

NGHỊ QUYẾT

V/v: *Phê duyệt Quy chế Công bố thông tin*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu v/v: Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản số 15/BBKP-CTS.HĐQT/2022 ngày 20/10/2022 của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (gọi tắt là “Vinamilk” hoặc “Công ty”) đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Quy chế Công bố thông tin theo tài liệu đính kèm.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Công bố thông tin số 4927/QC-CTS.TC/2018 ký ngày 06/09/2018.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN HẠNH PHÚC

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. MỤC ĐÍCH

1. Hệ thống hóa các nội dung liên quan đến Công bố thông tin được quy định trong các văn bản pháp luật để việc công bố thông tin của Công ty được đầy đủ, chính xác, kịp thời và minh bạch.
2. Quy định về quy trình và trách nhiệm của các Khối, phòng chức năng và đơn vị trong Công ty trong việc công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ pháp luật và việc công bố thông tin được kiểm soát chặt chẽ theo quy của Công ty.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI VÀ ÁP DỤNG

1. **Phạm vi:** Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cá nhân, phòng ban, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
2. **Đối tượng:** Quy chế này được áp dụng cho tất cả các thông tin công bố, cụ thể là:
 - Công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán và các qui định liên quan đến hoạt động của công ty niêm yết, công bố thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư. Sau đây gọi tắt là “*Công bố thông tin theo Luật chứng khoán*”;
 - Công bố thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình, tạp chí, thông tấn xã và các đối tượng khác không thuộc Công bố thông tin theo Luật chứng khoán nêu trên. Sau đây gọi tắt là “*Công bố thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng*”.

III. TRÁCH NHIỆM

- Khối Tài chính, Ban Quan hệ nhà đầu tư (“IR”) chịu trách nhiệm gửi nội dung thông tin công bố đã được duyệt đến thị trường chứng khoán (UBCKNN, HOSE, TTLKCKVN, cổ đông và nhà đầu tư);
- Khối Nhân sự - Hành chính- Đối ngoại, Phòng Đối ngoại (“PR”) chịu trách nhiệm liên hệ và làm việc với các đơn vị phương tiện thông tin đại chúng;
- Khối Marketing, Phòng Truyền thông (“PTT”) chịu trách nhiệm trình bày nội dung, layout hình ảnh và đăng tải thông tin trên website Công ty theo ***Quy định quản lý và đăng tải thông tin trên website công ty QD-MKT-01***;
- Các phòng/ban/đơn vị được đề cập tại **mục V. NỘI DUNG** có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo đúng Quy chế này.

IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ

Công ty/Vinamilk	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CBTT	Công bố thông tin
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SGDCK/HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
TTLKCKVN	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Người nội bộ	Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
Người công bố thông tin	Là người chịu trách nhiệm đại diện Công ty để CBTT ra bên ngoài. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp để CBTT của Công ty.
Người có liên quan	<p>Theo Khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán như sau:</p> <p><i>Người có liên quan</i> là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;</p> <p>b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;</p> <p>d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;</p> <p>đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;</p> <p>e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;</p> <p>g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>

V. NỘI DUNG

V.1. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc một (01) cá nhân là người được ủy quyền CBTT của Công ty.
- Trường hợp Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua người được ủy quyền CBTT thì việc cử người được ủy quyền để CBTT được thực hiện như sau:
 - TGD có quyết định bằng văn bản ủy quyền cho 01 nhân sự trong Ban Điều hành thực hiện CBTT trong thời gian TGD vắng mặt tại Công ty;
 - Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Pháp lý làm giấy ủy quyền theo Phụ lục 01 và người nhận ủy quyền cung cấp thông tin theo Phụ lục III của Thông tư 96/2020/TT-BTC để đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền CBTT với UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực;

- Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì các thành viên còn lại trong Ban Điều hành thống nhất cử 1 thành viên thực hiện CBTT.
3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty, TTLKCKVN hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT như sau:
- Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ CBTT, trong lần CBTT đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
 - Nhà đầu tư cá nhân báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền CBTT cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ từ khi việc ủy quyền có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II và Bản cung cấp thông tin theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

V.2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

V.2.1. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG BỐ

1. Nội dung thông tin công bố phải rõ ràng, đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định của pháp luật.
2. Người CBTT sẽ chịu trách nhiệm về thông tin mà mình công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Người CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Ngôn ngữ chính thực hiện CBTT là tiếng Việt. Công ty khuyến khích việc CBTT bằng tiếng Anh đồng thời với tiếng Việt và ngôn ngữ tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo. Trường hợp việc CBTT theo Luật Chứng khoán theo biểu mẫu quy định của UBCKNN, SGDCK và TTLKCKVN thì áp dụng theo biểu mẫu đó.
4. Khi nội dung CBTT đã được Người CBTT ký duyệt thì việc Công ty gửi nội dung ra ngoài được quy định như sau:
 - IR: gửi CBTT đến các cơ quan quản lý thị trường chứng khoán như UBCKNN, HOSE, TTLKCKVN, cổ đông và nhà đầu tư, đồng thời gửi PTT để đăng tải thông tin lên website;
 - PR: gửi CBTT (nếu có) đến các phương tiện thông tin đại chúng. Tất cả các phòng/ban, đơn vị trực thuộc không được phép gửi thông tin đến các Phương tiện thông tin đại chúng khi chưa có sự xem xét của GĐĐH Khối Nhân sự- Hành chính-Đối ngoại, Giám đốc Phòng PR, và/hoặc người CBTT.

V.2.2. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ

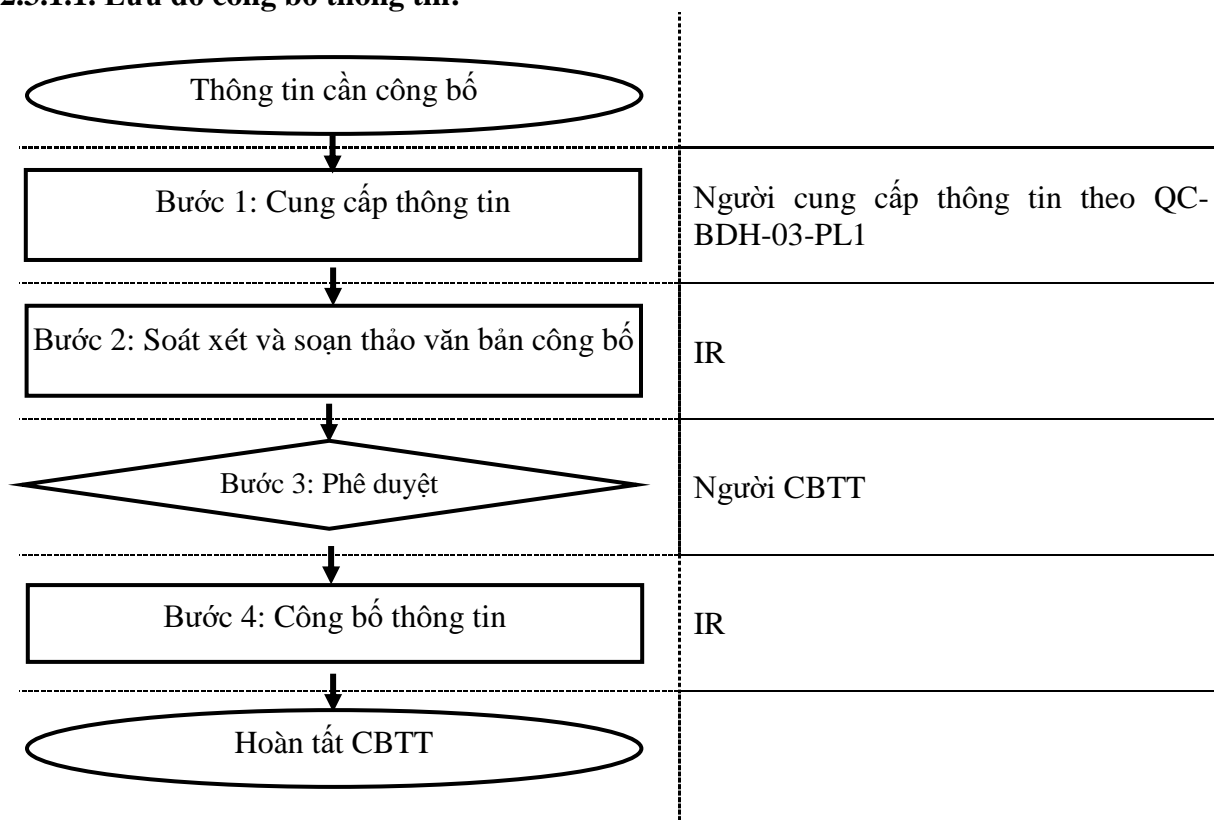
1. Thông tin công bố được thể hiện dưới dạng các hình thức như tài liệu, ấn phẩm, bài viết trên báo giấy, điện tử, bài phóng sự, bài trả lời phỏng vấn, dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số... Các thông tin bằng dữ liệu điện tử phải sử dụng bảng mã Unicode.
2. Các phương tiện CBTT bao gồm:
 - Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - Các phương tiện CBTT của UBCKNN, SGDCK, TTLKCKVN;
 - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

3. Trang thông tin điện tử dùng để công bố, số fax/địa chỉ email dùng để chuyển Thông tin phải được thông báo và đăng ký với UBCKNN, SGDCK.
4. Trường hợp có thay đổi liên quan đến địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc các thay đổi trên trang thông tin điện tử dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến Nhà đầu tư thì Khối Marketing, Phòng Truyền thông cần thông tin đến Khối Tài chính, Ban IR để gửi thông báo bằng văn bản đến UBCKNN và SGDCK trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

V.2.3. QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

V.2.3.1. Công bố thông tin theo Luật Chứng khoán:

V.2.3.1.1. Lưu đồ công bố thông tin:



V.2.3.1.2. Trình tự công bố thông tin:

Bước 1. Cung cấp thông tin

- Danh mục thông tin công bố theo Luật Chứng khoán, Người phụ trách cung cấp thông tin và Thời hạn cung cấp thông tin được trình bày trong *Phụ lục 1: Danh mục thông tin công bố theo luật chứng khoán - QC-BDH-03-PL1*;
- Định kỳ hoặc khi phát sinh thông tin cần công bố, Người phụ trách cung cấp thông tin có trách nhiệm chuyển thông tin đến Khối Tài chính, Ban IR. Thông tin được trình bày dưới dạng văn bản, kèm theo tập tin dữ liệu điện tử (Word, Excel, PDF...);
- Người phụ trách cung cấp thông tin chuyển thông tin đến Khối Tài chính, Ban IR nhanh nhất có thể kể từ khi phát sinh thông tin cần công bố nhưng chậm nhất là 15h00 trong ngày cuối cùng phải CBTT. Nội dung cung cấp cho Khối Tài chính, Ban IR phải bao gồm tiếng Việt và Tiếng Anh.

Bước 2. Soát xét và soạn thảo văn bản công bố

- Khối Tài chính, Ban IR kiểm tra tính đầy đủ và đối chiếu với các quy định của pháp luật đối với thông tin cần công bố. Sau đó soạn thảo văn bản công bố theo biểu mẫu trong các quy định và hướng dẫn của Luật chứng khoán, UBCKNN, SGĐCK, TTLKCKVN.

Bước 3. Phê duyệt

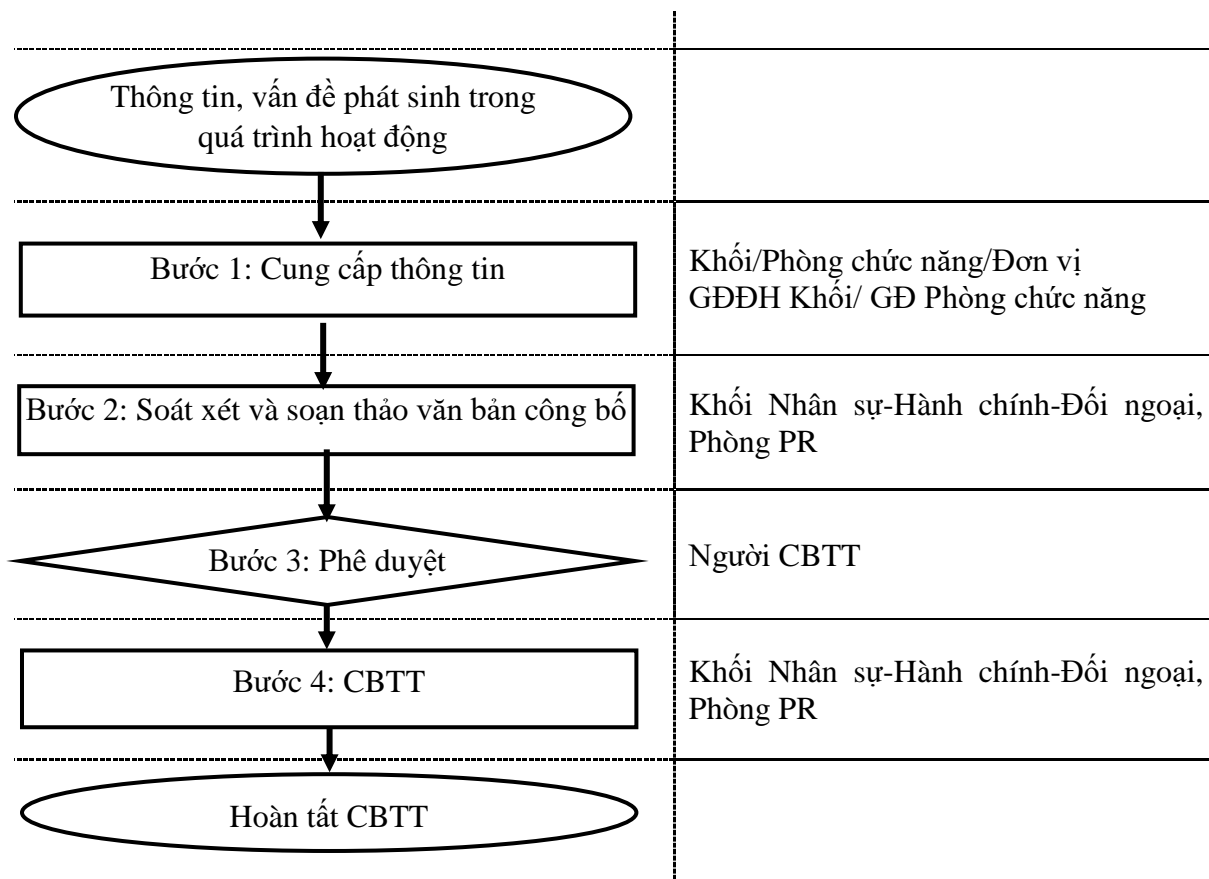
- Khối Tài chính, Ban IR trình người CBTT xem xét và phê duyệt.
- Riêng đối với báo cáo tài chính quý, bán niên và năm (riêng và hợp nhất, bao gồm nội dung giải trình biến động kết quả kinh doanh), Khối Tài chính, Phòng Kế toán tài chính có trách nhiệm chuyển cho Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị xem xét trước khi trình Tổng Giám đốc ký và chuyển cho Khối Tài chính, Ban IR để CBTT.

Bước 4. Công bố thông tin

- Khối Tài chính, Ban IR gửi CBTT đến các cơ quan quản lý theo quy định, đồng thời gửi Khối Marketing, Phòng Truyền thông để đăng tải trên website chính thức của Công ty và gửi Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng PR để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có).

V.2.3.2. Công bố thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng:

V.2.3.2.1. Lưu đồ công bố thông tin:



V.2.3.2.2. Trình tự công bố thông tin:

Bước 1. Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin, sự việc mà xét rằng: (1) có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực đến hình ảnh, thương hiệu, uy tín, truyền thông về công ty (Ví dụ: Giải thưởng, Thành tích, Cải tiến

mới,...) hoặc (2) có thể tạo ra những tác động tiêu cực đến Công ty (Sự cố, Khiếu nại, Vi phạm, Thông báo từ các cơ quan chức năng...); hoặc (3) cần/nên được Công ty chủ động công bố thông tin: Giám đốc phòng chức năng/đơn vị phải báo cáo ngay đến GĐĐH phụ trách chuyên môn (nếu có);

- GĐĐH Khối (nếu có) hoặc Giám đốc phòng chức năng/đơn vị xem xét tính chất và mức độ quan trọng của thông tin, nếu xét thấy cần thực hiện công bố thì chuyển thông tin đến Phòng PR và báo cáo đến TGD.

Bước 2. Soát xét và soạn thảo văn bản công bố

- Khi TGD xét thấy cần thiết phải thực hiện CBTT hoặc theo đề xuất CBTT từ Phòng PR, GĐĐH Khối (nếu có) hoặc Giám đốc Phòng chức năng/đơn vị phải cung cấp đầy đủ và trung thực nội dung thông tin, vấn đề phát sinh để Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng PR soạn thảo nội dung CBTT.
- Thông tin trước khi trình duyệt để công bố chính thức phải được các bộ phận liên quan xem xét lại về tính chính xác và đầy đủ.

Bước 3. Phê duyệt

- Hình thức công bố, nội dung văn bản thông cáo báo chí, nội dung phỏng vấn và người trực tiếp trả lời phỏng vấn (nếu có) phải được phê duyệt bởi GĐĐH Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại hoặc TGD.

Bước 4. Công bố thông tin

- Việc CBTT được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây nhưng không giới hạn:
 - o Chuyển thông tin bằng văn bản cho các Phương tiện thông tin đại chúng;
 - o Thực hiện phỏng vấn để đăng tin hoặc bài viết;
 - o Thực hiện phỏng vấn, phóng sự theo hình thức ghi hình, ghi tiếng.
- GĐĐH Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng PR có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan cho việc thực hiện công bố và thông báo cho các bộ phận liên quan về thời điểm mà các Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin chính thức, đồng thời thông báo nội dung Thông tin công bố cho Khối Tài chính, Ban IR;
- Trong trường hợp các Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin có sai lệch so với Thông tin của Công ty, GĐĐH Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng PR có trách nhiệm phối hợp với bộ phận phát sinh Thông tin và/hoặc người trực tiếp trả lời phỏng vấn để giải quyết, thực hiện điều chỉnh nội dung Thông tin kịp thời. Nếu việc sai lệch Thông tin được xem là nghiêm trọng và có thể gây ảnh hưởng đến Công ty, Phòng PR phải báo cáo cho GĐĐH Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại hoặc Người CBTT để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

V.2.3.3. Tạm hoãn CBTT:

Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGĐCK về việc tạm hoãn CBTT ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT;

Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

V.3. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- Người nội bộ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng;
- Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành;
- Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng.

Danh mục thông tin công bố theo Luật Chứng khoán, Người phụ trách cung cấp thông tin và Thời hạn cung cấp thông tin được trình bày trong *Phụ lục 1: Danh mục thông tin công bố theo luật chứng khoán QC-BDH-03* đính kèm Quy chế này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

VI.1. LƯU TRỮ VÀ BẢO QUẢN THÔNG TIN CÔNG BỐ

Thông tin công bố phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty dưới dạng văn bản, tập tin điện tử, dữ liệu, băng ghi hình, băng ghi tiếng, bài báo...

Bộ phận lưu trữ:

- Khối Tài chính, Ban Quan hệ Nhà đầu tư: chịu trách nhiệm lưu trữ đối với CBTT theo Luật Chứng khoán;
- GĐĐH Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng PR: chịu trách nhiệm lưu trữ đối với CBTT cho các Phương tiện thông tin đại chúng.

Việc bảo quản, lưu trữ Thông tin công bố phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật hoặc quy định về lưu trữ thông tin hiện hành của Công ty.

Thời gian lưu trữ Thông tin đã công bố theo quy định sau:

- Thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ bằng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm, đồng thời lưu giữ trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử tối thiểu 05 năm.

VI.2. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Tất cả các cá nhân không được công bố bất kỳ Thông tin nào và dưới bất kỳ hình thức nào nhân danh Công ty nếu không có sự ủy quyền của Tổng Giám đốc, ngoại trừ các trường hợp phải tự công bố theo quy định bắt buộc của pháp luật.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm chính sách này sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật, xử phạt theo nội quy của Công ty và có thể bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật. Nếu sự vi phạm dẫn đến việc Công ty bị thiệt hại thì cá nhân vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Quy chế CBTT được này phổ biến đến (i) Đối tượng phụ trách CBTT, (ii) Người cung cấp thông tin, và (iii) tất cả các nhân viên thuộc các phòng ban/đơn vị trong toàn Công ty.

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÔNG TY THEO LUẬT CHỨNG KHOÁN

A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
1	Báo cáo tài chính			
1.1	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên (06 tháng) đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập.- Và giải trình khi:<ul style="list-style-type: none">▪ Lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước.▪ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc lãi kỳ trước nhưng lỗ kỳ này hoặc ngược lại.▪ Lợi nhuận sau thuế có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.- Văn bản giải trình trong trường hợp ý kiến kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính.	Khối Tài chính, Phòng Kế toán tài chính	Trong thời hạn 05 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá 45 ngày sau khi kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website Công ty
1.2	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý. Trường hợp các báo cáo này đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập đúng hạn để công bố thì không cần công bố báo cáo chưa soát xét.- Và giải trình tương tự như đề cập tại mục 1.1 của Phụ lục 1 này.	Khối Tài chính, Phòng Kế toán tài chính	Trong thời hạn 20 ngày sau khi kết thúc quý hoặc 05 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá 45 ngày sau khi kết thúc quý	UBCKNN, SGDCK, website Công ty
1.3	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm đã được kiểm toán.- Và giải trình tương tự như đề cập tại mục 1.1 của Phụ lục 1 này.	Khối Tài chính, Phòng Kế toán tài chính	Trong vòng 10 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không quá 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website Công ty
2	Báo cáo thường niên: theo Phụ lục 04, Thông tư 96/2020/TT-BTC	Trưởng ban soạn thảo theo quyết định thành lập ban soạn thảo của TGD hàng năm	Trong vòng 20 ngày sau khi CBTT báo cáo tài chính nhưng không quá 110 ngày sau khi kết thúc năm tài chính.	UBCKNN, SGDCK, website Công ty

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
3	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường (Công bố toàn bộ tài liệu họp)			
	- CBTT về việc họp ĐHĐCĐ	Thư ký Công ty	20 ngày trước ngày ĐKCC tham dự họp ĐHĐCĐ (Điểm b, khoản 4 điều 11 TT96)	UBCKNN, SGDCK, website Công ty
	- Gửi công văn chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ	Khối Tài chính, Bộ phận Tài chính	Danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn (Khoản 1 Điều 141 Luật DN)	TTLKCKVN
	- Công bố toàn bộ tài liệu họp như: thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin các ứng cử viên nếu có bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp	Theo phân công công việc trong quyết định thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ của TGD hàng năm	21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên (Điểm a khoản 3 điều 10 TT96)	Website Công ty, HOSE, SSC
	- Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên sau khi họp xong	Thư ký Công ty	24 giờ	UBCKNN, SGDCK, website Công ty
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng và năm (Theo Phụ lục V của Thông tư 96/2020/TT-BTC, bao gồm 02 bản báo cáo: 1 bản có thông tin đầy đủ và 1 bản không có thông tin cá nhân để CBTT và Mẫu NY-02 của Quy chế niêm yết 2022 của SGDCK HCM).	Thư ký Công ty	Chậm nhất 30/7 và 30/1 hàng năm.	UBCKNN, SGDCK, website Công ty
5	Hoạt động chào bán chứng khoán và phát hành thêm cổ phiếu Tùy theo nội dung của từng đợt chào bán/phát hành cổ phiếu mà thực hiện theo các quy định chi tiết hiện hành về CBTT, kết quả chào bán như sau:	Thư ký Công ty phụ trách Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT		UBCKNN, SGDCK, website Công ty

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin	Thời hạn CBTT	Phương tiện CBTT
	<ul style="list-style-type: none"> - Chào bán riêng lẻ: Thực hiện theo Mục 3, Chương II - Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Chào bán ra công chúng: Thực hiện theo Mục 2, Chương II - Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Phát hành cổ phiếu để hoán đổi: Thực hiện theo Mục 4, Chương II – Nghị định 155/2020/NĐ-CP - Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc), phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành ESOP cho nhân viên và phát hành cổ phiếu trong các trường hợp khác. Thực hiện theo Mục 5, Chương II – Nghị định 155/2020/NĐ-CP 	<p>Khối Tài chính, - Bộ phận Tài chính phụ trách thủ tục phát hành khác</p>	<p>10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán</p> <ul style="list-style-type: none"> - CBTT về việc chào bán: 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy CN chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực - CBTT về kết quả chào bán: 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. <p>Thực hiện theo hướng dẫn chi tiết theo thông tư 118/2020/TT-BTC, Quy định CBTT tại TT96/2020/TT-BTC, Quy chế thực hiện quyền VSD số 109/QĐ-VSD</p>	
6	<p>Báo cáo sử dụng vốn sau phát hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành ra công chúng để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Mục a, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (Mẫu số 01 Phụ lục đính kèm NĐ) - Trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải CBTT về lý do và quyết định của HĐQT về sự thay đổi theo quy định tại Mục a, Khoản 3, Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (Mẫu số 02 Phụ lục đính kèm NĐ) 	<p>Khối Tài chính, Bộ phận Tài chính</p>	<p>Định kỳ 06 tháng sau khi phát hành và báo cáo cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo</p> <p>24h kể từ khi có quyết định</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website Công ty</p>
7	<p>Thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài (Thực hiện theo Điều 141, 142 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC)</p>	<p>Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Pháp lý</p>	<p>Trong vòng 1 ngày kể từ ngày nhận được chấp thuận của UBCKNN</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, VSD và website Công ty</p>

B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

- Thời gian CBTT: tất cả đều là **24 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện trừ khi có quy định khác.
- Hình thức CBTT: UBCKNN, SGDCK và website Công ty.
- Mẫu biểu: Mẫu Phụ lục VI kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK trừ phi có hướng dẫn khác.

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin
1	Các sự kiện sau đây khi CBTT phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).	
a.	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	Khối Tài chính, Phòng kế toán tài chính
b.	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	- Thư ký Công ty - Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Pháp lý (Mẫu Phụ lục III kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK)
c.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	Thư ký Công ty
d.	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	Thư ký Công ty
e.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Thư ký Công ty

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin
f.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;	Thư ký Công ty Khôi Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Pháp lý
g.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Khôi Tài chính, Phòng kế toán tài chính
h.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	Thư ký Công ty
i.	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;	Thư ký Công ty
j.	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin; 	Khôi Tài chính, Bộ phận Tài chính (Mẫu Phụ lục V kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK)
k.	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định (nếu có);	Thư ký Công ty (Mẫu Phụ lục I kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK kèm bản cung

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin
	Lưu ý: Thực hiện CBTT trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CNTT về việc thay đổi nhân sự, gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) và Danh sách người nội bộ và người có liên quan.	cấp thông tin người nội bộ mới theo Phụ lục III tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
l.	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;	Thư ký Công ty
m.	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	Phòng Pháp lý
n.	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Pháp lý Khối Tài chính, Phòng Kế toán tài chính, Phòng Quản lý Thuế
o.	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Pháp lý
p.	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	- Thư ký Công ty - Khối Tài chính, Ban IR
q.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	Các Khối/phòng chức năng
r.	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Thư ký Công ty
s.	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Thư ký Công ty
t.	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);	Thư ký Công ty

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin
u.	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Thư ký Công ty
2	<p>Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường; - Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. 	Thư ký Công ty
3	<p>Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến; - Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký phụ trách Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT. - Khối Tài chính, Bộ phận Tài chính phụ trách thủ tục chi tiết khác.
4	CBTT khi mua bán cổ phiếu quỹ	
a.	Mua/ thu hồi cổ phiếu ESOP theo quy chế phát hành cổ phiếu của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Khối Nhân sự-Hành chính-Đối ngoại, Phòng Nhân sự - Khối Tài chính, Bộ phận Tài chính phụ trách thủ tục chi tiết khác.
b.	Mua, bán cổ phiếu của Công ty trong các trường hợp khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký phụ trách Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT. - Khối Tài chính, Bộ phận Tài chính phụ

Stt	Nội dung công bố thông tin	Người phụ trách cung cấp thông tin
	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	trách thủ tục chi tiết khác.
4	CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác	
a	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	Thư ký Công ty
b	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu	Thư ký Công ty

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

- Trong các trường hợp sau đây, Công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK:
 - Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

D. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

- b) Quy định tại Mục D.1.a ở trên này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu;
- c) Ban Quan hệ Nhà đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Phòng Truyền thông công bố trên website công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Mục D.1 này.

2. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

- a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại, cụ thể như sau:
 - Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
 - Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Mục D.2 này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
 - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục D.1 của Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- b) Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục D.2.a ở trên nhưng là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục D.1 của Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Mục D.1.
- c) Quy định về nghĩa vụ CBTT tại Mục D.2.a này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty.

- d) Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại Mục D.2.a ở trên.
- e) Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- f) Ban Quan hệ Nhà đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ người nội bộ là thành viên Ban Điều hành của Công ty trong việc CBTT các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của đối tượng này, đồng thời phối hợp với Phòng Truyền thông công bố trên website công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Mục D.2 này.

3. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện CBTT theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.